

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

Bản án số: 15/2024/HS-ST
Ngày: 29-03-2024

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Nghi và bà Trần Thị Lệ D.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Trương M Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 03 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 11/2024/TLST - HS ngày 28 tháng 02 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2024/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 03 năm 2024 đối với bị cáo:

Trịnh Văn M, sinh năm 1986 tại huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Nơi cư trú: thôn M, xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hoá. nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn T1 (Đã chết) và bà Lê Thị D. Bị cáo có vợ là Trịnh Thị H và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: không.

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- Bị hại: Anh Trần A, sinh năm: 1991. Địa chỉ: Xóm 5A, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình (đã chết)

-Người đại diện hợp pháp của bị hại:

+ Ông Trần Văn H1 – sinh năm 1954.

+ Bà Phạm Thị T2 – sinh năm 1960.

+ Chị Phạm Thị T3 – sinh năm 1994.

Đều trú tại địa chỉ: Xóm 5A, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Người đại diện theo ủy quyền của những người đại diện hợp pháp của bị hại: Chị Phạm Thị T3 – sinh năm 1994. Địa chỉ: Xóm 5A, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình (Văn bản ủy quyền ngày 05 tháng 12 năm 2023); vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Phạm Việt C, sinh năm 1979. Địa chỉ: Tiểu khu 1, thị trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; vắng mặt.

Người làm chứng: Ông Cao Hoàng Đản; vắng mặt.

NỘI D VU ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội D vụ án được tóm tắt như sau:

Trịnh Văn M có giấy phép lái xe ô tô hạng D, là lái xe theo hợp đồng cho Nhà xe A Limousine do anh Phạm Việt C, sinh năm 1979 trú tại tiểu khu 1, thị trấn

N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa làm chủ. Buổi sáng ngày 13/11/2023 M điều khiển xe ô tô BKS: 36F-007.05 (loại xe 16 chỗ ngồi) chở khách đi trên đường quốc lộ 10 theo hướng K - thành phố Ninh Bình. Đến khoảng 04 giờ 35 phút cùng ngày, xe ô tô đi đến gần khu vực ngã tư giao nhau có tín hiệu đèn giao thông thuộc Km 165+500 đoạn qua xóm 13, xã Q, huyện K với tốc độ khoảng 80km/h. M không chấp hành hệ thống báo hiệu đường bộ nên không giảm tốc độ đến mức an toàn. Mặt khác do thời tiết mưa, tầm nhìn bị hạn chế, mặt đường trơn trượt nhưng M không chú ý quan sát nên không phát hiện được xe mô tô BKS: 35K1-136.47 do anh Trần A, sinh năm 1991, trú tại xóm 5A, xã L, huyện K điều khiển đi phía trước cùng chiều đang bật đèn xi nhan và chuyển hướng sang trái. Khi xe ô tô cách xe mô tô khoảng 04 - 05m, M đạp phanh và đánh lái sang trái nhưng do khoảng cách quá gần nên phần đầu xe ô tô BKS: 36F - 007.05 đã đâm vào chắn bùn sau bên trái xe mô tô BKS: 35K1-136.47 làm xe mô tô bị đẩy rê về phía trước. Hậu quả anh Trần A bị thương được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình, đến ngày 16/11/2023 tử vong; 02 phương tiện bị hư hỏng nhẹ. Kết quả tiến hành xét nghiệm chất ma túy và đo nồng độ cồn thể hiện: Trịnh Văn M âm tính với chất ma túy; không có nồng độ cồn trong khí thở.

Vật chứng thu giữ: 01 xe ô tô màu đen, nhãn hiệu: HYUNDAI, BKS: 36F-007.05; 01 xe mô tô màu xanh, nhãn hiệu HONDA-SH, BKS: 35K1-136.47. Thu giữ của Trịnh Văn M 01 giấy phép lái xe hạng D số: 380052381374 do Sở Giao thông vận tải tỉnh Thanh Hoá cấp ngày 28/9/2023; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô BKS: 36F-007.05; 01 Giấy chứng nhận kiểm định số 1386167, biển đăng ký 36F-007.05.

Ngày 16/11/2023 Cơ quan CSĐT Công an huyện K ra Quyết định trưng cầu giám định số 176 xác định nguyên nhân tử vong của anh Trần A nhưng đại diện gia đình anh Anh có đơn từ chối khám nghiệm tử thi.

*** Kết quả giám định pháp y trên hồ sơ nguyên nhân tử vong của anh Trần A:**

Tại Bản kết luận giám định pháp y tử thi qua hồ sơ số 26 ngày 06/12/2023 của Trung tâm pháp y Sở y tế tỉnh Ninh Bình kết luận: “Nguyên nhân tử vong của anh Trần A là do chấn thương sọ não có phù não, tụ máu, chảy máu não màng não trên nạn nhân đã chấn thương do tai nạn giao thông.”

Tại bản kết luận định giá tài sản số 34/HĐĐG ngày 04/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận: “Thiệt hại, hư hỏng của xe ô tô biển kiểm soát 36F-007.05 có giá trị là 13.200.000đồng”.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 35/HĐĐG ngày 05/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện K kết luận: “Thiệt hại, hư hỏng của xe mô tô biển kiểm soát 35K1-136.47 có giá trị là 2.689.000đồng”.

Tại bản kết luận số 99 ngày 02/01/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình kết luận: “Không phát hiện dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội D hình ảnh trong 01 tệp tin video lưu trữ trong đĩa DVD-R gửi giám định; Trích xuất được 08 ảnh mô tả diễn biến nội D có liên quan đến vụ tai nạn giao thông trong tệp video lưu trữ trong đĩa DVD-R gửi giám định.”

Tại bản Kết luận giám định dấu vết cơ học số 09 ngày 18/12/2023 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình kết luận: “Trên xe ô tô BKS: 36F-007.05 và xe mô tô BKS: 35K1-136.47 có dấu vết va chạm với nhau. Vị trí va chạm đầu

tiên giữa hai phương tiện là vết lõm, cong vênh trên biển số gắn phía trước xe ô tô BKS: 36F-007.05 và chạm với bên trái đuôi chắn bùn bánh sau xe mô tô BKS: 35K1-136.47 (phần đuôi chắn bùn có gắn biển số đã bị đứt rời khỏi xe mô tô). Vị trí va chạm đầu tiên giữa hai phương tiện trên hiện trường là xe ô tô BKS: 36F-007.05 và chạm với xe mô tô BKS: 35K1-136.47 tại vị trí trước điểm cày kỹ hiệu số “1” trên mặt đường quốc lộ 10 được ghi nhận, mô tả trong biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường vụ tai nạn giao thông ngày 13/11/2023 tại km 165+500 quốc lộ 10, thuộc xóm 13, xã Q, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Chiều hướng chuyển động của hai phương tiện ngay trước khi va chạm là: xe ô tô biển số 36F-007.05 chuyển động trên đường quốc lộ 10 hướng huyện N, Thanh Hóa đi huyện Yên Khánh, Ninh Bình; xe mô tô biển số 35K1-136.47 chuyển động phía trước xe ô tô biển số 36F-007.05 có hướng chéo ngang từ bên phải sang trái đường (tính theo hướng từ N, Thanh Hóa đi Yên Khánh, Ninh Bình).”

Về trách nhiệm dân sự: Trịnh Văn M đã bồi thường cho gia đình anh Trần A số tiền 330.000.000đồng. Gia đình anh A không có yêu cầu, đề nghị gì về vấn đề trách nhiệm dân sự.

Quá trình điều tra, Trịnh Văn M đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bản Cáo trạng số 15/CT-VKS ngày 27 tháng 02 năm 2024 Viện Kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình đã truy tố bị cáo Trịnh Văn M về tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” theo điểm a khoản 1 và khoản 5 Điều 260 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà Kiểm sát viên tham gia phiên toà giữ nguyên quyết định truy tố như nội D bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Trịnh Văn M phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Trịnh Văn M từ 18 (mười tám) đến 24 (hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 36 (ba mươi sáu) đến 48 (bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Trịnh Văn M cho UBND xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa là nơi bị cáo thường trú giám sát giáo dục; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thi hành án treo và thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

- Về xử lý vật chứng và áp dụng các biện pháp tư pháp khác: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả lại cho bị cáo Trịnh Văn M 01 giấy phép lái xe hạng D mang tên Trịnh Văn M

- Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội buộc bị cáo Trịnh Văn M phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bị cáo đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình như nội D bản cáo trạng. Bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội D vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người đại diện hợp pháp của bị hại, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với lời khai của người làm chứng và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác như biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường, khám nghiệm phương tiện, kết luận giám định tử thi qua hồ sơ. Đồng thời phù hợp với các vật chứng đã thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 04 giờ 35 phút ngày 13/11/2023, tại khu vực ngã tư giao nhau thuộc Km 165+500 đoạn qua xóm 13, xã Q, huyện K. Trịnh Văn M là người có giấy phép lái xe hạng D, điều khiển xe ô tô BKS: 36F-007.05 trong điều kiện trời mưa, đường trơn không chú ý quan sát, không chấp hành biển báo hiệu đường bộ để giảm tốc độ đến mức an toàn dẫn đến phần đầu xe ô tô đâm vào phía sau bên trái xe mô tô do anh Trần A điều khiển đang chuyển hướng sang trái đường. Hậu quả, xe mô tô bị đổ, anh A bị ngã ra đường phải đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Ninh Bình đến ngày 16/11/2023 tử vong. Hành vi của Trịnh Văn M đã vi phạm khoản 23 Điều 8; khoản 1 Điều 11 Luật Giao thông đường bộ và khoản 1, khoản 11, Điều 5 Thông tư số 31/2019/TTBGTVT ngày 29/8/2019 của Bộ giao thông vận tải quy định về tốc độ và khoảng cách an toàn của xe cơ giới, xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ.

[2] Đối chiếu với quy định của pháp luật hình sự thấy hành vi, tội danh và điều khoản áp dụng tại cáo trạng, lời luận tội, các chứng cứ buộc tội bị cáo như Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa là có căn cứ. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 260 Bộ luật hình sự.

“Điều 260. Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ

1. Người nào tham gia giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

a) Làm chết người

...

5. Người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm”.

[3] Vụ án có tính chất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội mặc dù bị cáo phạm tội với lỗi vô ý nhưng hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự an toàn giao thông đường bộ những khách thể được pháp luật bảo vệ, đồng thời còn xâm phạm trực tiếp đến tính mạng sức khỏe của người khác khi tham gia giao thông. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức được việc điều khiển phương tiện khi tham gia giao thông phải tuân thủ các quy định của pháp luật về các điều kiện tham gia giao thông. Hành vi của bị cáo thể hiện sự chủ quan và thiếu trách nhiệm khi tham gia giao thông dẫn việc tai nạn ngoài ý muốn hậu quả sau va chạm là làm cho anh A tử vong.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Sau khi phạm tội bị cáo đã chủ động thăm hỏi, chia sẻ đau buồn và lo ma chay cho người chết cùng gia đình bị hại cũng như tự nguyện thỏa thuận việc bồi thường và đã bồi thường cho gia đình bị hại anh Trần A tổng số tiền là 330.000.000đ. Đại diện bị hại đã nhận tiền và không yêu cầu gì khác. Do vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đại diện gia đình bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt, miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo, mẹ bị cáo là bà Lê Thị D được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, như vậy bị cáo là con của người có công. Nên bị cáo được hưởng thêm những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Căn cứ quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt và có nơi cư trú ổn định rõ ràng bị cáo phạm tội do lỗi vô ý, mặt khác do thời tiết mưa, tầm nhìn bị hạn chế, mặt đường trơn trượt. Việc xảy ra tai nạn giao thông là ngoài ý muốn đối với các bên. Do vậy Hội đồng xét xử nhận thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà căn cứ điều 65 Bộ luật hình sự áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giáo dục bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt là thể hiện sự khoan hồng, tính nhân đạo của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo là lỗi vô ý, Do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Trịnh Văn M đã bồi thường cho đại diện gia đình bị hại số tiền 330.000.000đ. Các bên đã tự nguyện thỏa thuận giải quyết xong về vấn đề trách nhiệm dân sự. Do vậy về vấn đề trách nhiệm dân sự Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng và áp dụng các biện pháp tư pháp khác: Cơ quan CSĐT Công an huyện K đã trả lại xe ô tô 36F-007.05, 01 đăng ký xe, 01 giấy chứng nhận kiểm định cho anh Phạm Việt C (là chủ sở hữu) và trả lại xe mô tô 35K1-136.47 cho chị Phạm Thị T3, sinh năm 1994, trú tại xóm 5A, xã L, huyện K (là vợ bị hại Trần A). Việc xử lý những vật chứng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện K là đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Những vật chứng còn lại căn cứ Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 của Bộ luật Hình sự: Trả lại cho bị cáo Trịnh Văn M 01 giấy phép lái xe hạng D mang tên Trịnh Văn M nhưng tiếp tục quản lý để đảm bảo Thi hành án.

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên

tòa bị cáo không có ý kiến, không có khiếu nại về hành vi, quyết định của các Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 260; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự và Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Trịnh Văn M phạm tội: “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Xử phạt bị cáo Trịnh Văn M 21 (*hai mươi mốt*) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 42 (*bốn mươi hai*) tháng tính từ ngày tuyên án.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự hai lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao bị cáo Trịnh Văn M cho UBND xã B, huyện N, tỉnh Thanh Hóa nơi bị cáo thường trú giám sát giáo dục; gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thi hành án treo và thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

2. Xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Trả lại cho bị cáo Trịnh Văn M 01 giấy phép lái xe hạng D số 380052381374 do Sở giao thông vận tải tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 28 tháng 9 năm 2021 mang tên Trịnh Văn M.

(*Chi tiết vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 28 tháng 2 năm 2024 giữa Công an huyện K với Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình*).

3. Về án phí: Bị cáo Trịnh Văn M phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/03/2024). Người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình: 01 bản
- VKSND tỉnh Ninh Bình: 01 bản.
- VKSND huyện K: 02 bản
- Công an huyện K: 02 bản.
- Sở tư pháp tỉnh Ninh Bình: 01 bản.
- Chi cục THA dân sự huyện K: 01 bản
- Bị cáo: 01 bản
- Đại diện bị hại: 01 bản
- Người có QLNV liên quan đến vụ án: 01 bản.
- UBND xã B, huyện N.
- Lưu hồ sơ: 01 bản.
- Lưu VP: 02 bản.
- .

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

Trần Thị Khanh